TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2019
"V/v Tranh chấp hôn nhânvà gia đình
về việc chia tài sản sau khi ly hôn".

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh.

2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2015/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 N 2015, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc chia tài sản sau khi ly hôn" theo Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số: 77/2019/TB-TA ngày 20 tháng 5 N 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Kiều S sinh N: 1987.
Địa chỉ: Ấp 3, xã TK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Nguyễn Văn H sinh N: 1979.
Địa chỉ: Khóm 4, TT MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Văn X (Sá) sinh N: 1941.
Địa chỉ: Khóm 4, TT MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
Lê Thị N sinh N: 1951.
Địa chỉ: Ấp 3, xã TK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười – Đại diện: Ông Đinh Minh D – Chức vụ: Chủ tịch.
Địa chỉ: Khóm 3, TT MA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Văn Ng sinh N: 1970.

Nguyễn Thị L sinh N: 1969 .
Nguyễn Thị B sinh N: 1990.
Nguyễn Văn C sinh N: 1994.
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã TK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.
Lê Văn D sinh N: 1965.
Địa chỉ: Khóm 4, TT MA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyễn Thành A sinh N: 1954.
Địa chỉ: Khóm 4, TTMA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Trần Thị Kiều S, anh Nguyễn Văn H, bà Lê Thị N, chị Nguyễn Thị L có mặt; Ông Nguyễn Văn X và Ủy ban nhândân huyện Tháp Mười có đơn xin vắng mặt; Ông Lê Văn D, ông Nguyễn Thành A, anh Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kiều S, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị S với anh H kết hôn với nhau vào ngày 10/7/2003 và được Tòa án huyện Tháp Mười giải quyết ly hôn theo bản án số: 24/2013/HNGĐ-ST ngày 17/4/2013.

+ Về quan hệ tài sản chung:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 14/8/2015 thì vợ chồng có diện tích 10.372,3m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 3.256,3m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 3.547,7m^2, đất (T), thửa 108; Diện tích 10.603,5m^2, đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do anh H đại diện đứng tên quyền sử dụng đất vào N 2010, nguồn gốc đất có được do cha, mẹ chồng cho.

Trước khi chị và anh H kết hôn thì ông X, bà N có 01 căn nhà cấp 04 (01 triệt, 01 lầu) ngang 4m, dài 16m, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi về làm vợ anh H, hai vợ chồng làm chung, ăn chung với ông X, bà N, sau một thời gian tích lũy được một số tiền nên gia đình xây mới thêm một lầu ngang 4m x 16m = 64m^2 trị giá 250.000.000đồng và sử dụng chung với ông X, bà N, anh H diện tích 10.372,3m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 3.256,3m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 10.603,5m^2, đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, sau khi trừ tất cả các chi phí, lợi nhuận thu được trong 09 năm tích lũy được số tiền 800.000.000đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/5/2011 giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N.

Khi Tòa án huyện Tháp Mười giải quyết ly hôn giữa chị S với anh H thì chị S không yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận nhưng nay chị S yêu cầu anh H chia ½ các diện tích đất trên.

Ngày 20/7/2018, chị Trần Thị Kiều S có đơn xin thay đổi yêu cầu có nội dung không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng với ông H. Yêu cầu chia tài sản chung hộ ông Nguyễn Văn X, diện tích 27.780,2m^2 gồm đất (T), đất (rừng SX), đất (L), thửa 106, thửa 107, thửa 108 và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu ông X, bà N chia công sức đóng góp như phần xây mới thêm một lầu (nhà lầu tầng 02) ngang 4m x 16m = 64m^2 trị giá 250.000.000đồng trừ 20% khấu hao, giá trị sử dụng còn lại 200.000.000đồng chia làm 04 phần, nên yêu cầu ông X, bà N chia cho chị H 01 phần với số tiền 50.000.000đồng và chi phí, lợi nhuận sử dụng đất (L), (rừng SX), tờ bản đồ số 2, thửa số 103, 106 và thửa 107, thu được trong 09 N tích lũy được số tiền 800.000.000đồng chia làm 04 phần, nên yêu cầu ông X, bà N, anh H chia cho chị S 01 phần với số tiền 200.000.000đồng.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Bvà anh Nguyễn Văn C diện tích đất ngang 7,2m, dài 16m, thuộc một phần thửa số 106, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Anh Nguyễn Văn H, ý kiến:* Vào ngày 04/7/2003 anh H và chị S được cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới và kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con, nợ và tài sản đã được giải quyết xong theo bản án số: 24/2013/HNGĐ-ST ngày 17/4/2013 của Tòa án nH dân huyện Tháp Mười.

Về phần chị S yêu cầu chia 01 tầng lầu (tầng 2) của căn nhà do hộ tích lũy xây dựng, anh không đồng ý vì đây là tiền của cha, mẹ bỏ tiền ra làm, anh và chị S không có công đóng góp.

Về phần đất ruộng sản xuất nguồn gốc đất là của ông ngoại và cha, mẹ mua canh tác trước giải phóng. Đến ngày 17/9/2010 mẹ anh là bà Lê Thị N lập hợp đồng tặng cho để anh đứng tên giùm để đi vay tiền ngân hàng vì cha, mẹ đã lớn tuổi, không tiện đi lại. Đến ngày 17/5/2011 cha, mẹ cũng không cần vay vốn nữa nên anh đã lập thủ tục tặng cho lại cha là ông Nguyễn Văn X đứng tên, còn vợ là chị S còn chung trong hộ khẩu nên cũng đồng ý ký tên chuyển lại cho ông X. Hiện nay, ông X đã lập thủ tục tặng cho lại cho bà N. Anh H không đồng ý với yêu cầu của chị S yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/5/2011 giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N.

Không đồng ý chia cho chị S phần lợi nhuận thu được từ sử dụng đất diện tích 10.372,3m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 3.256,3m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 10.603,5m^2, đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp trong 09 N số tiền 200.000.000đồng.

Không đồng ý chia tài sản chung cho chị Trần Thị Kiều S diện tích 5.186m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 1.628m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 1.773,85m^2, đất (T), thửa 108; Diện tích 5.301,75m^2, đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn C diện tích đất ngang 7,2m, dài 16m, thuộc một phần thửa số 106, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị N, ý kiến:* Ông X và bà N không đồng ý chia cho chị H công sức đóng góp xây dựng mới tầng 2 của căn nhà với số tiền 50.000.000đồng và phần lợi nhuận thu được từ sử dụng đất diện tích 10.372,3m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 3.256,3m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 10.603,5m^2 đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp trong 09 N số tiền 200.000.000đồng.

Không đồng ý yêu cầu của chị S yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/5/2011 giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ng, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn C diện tích đất ngang 7,2m, dài 16m, thuộc một phần thửa số 106, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Ông Nguyễn Thành A, ý kiến:* Ngày 20/7/2006 ông có thỏa thuận với vợ chồng ông X chia vách xây nhà với số tiền 22.200.000đồng, đã trả tiền đủ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chia vách với vợ chồng ông X.

- *Ông Lê Văn D ý kiến:* Ngày 18/3/2005 ông có thỏa thuận với vợ chồng ông X chia vách xây nhà với số tiền 18.500.000đồng, đã trả tiền đủ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chia vách với vợ chồng ông X.

- *Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, ý kiến:* Vào năm 1990 cha, mẹ có cho diện tích đất ngang 7,2m, dài 16m, thuộc một phần thửa số 106, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã cất nhà tạm, đến 2016 thì cất lại nhà cấp 4. Vì diện tích đất này cha, mẹ cho nên không đồng ý chị S khởi kiện anh H yêu cầu chia diện tích đất này. Không có tranh chấp đất với ông X, bà N, anh H và chị S.

- *Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười, ý kiến:* Ủy ban huyện Tháp Mười sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được nghe lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị đường lối xét xử vụ án như sau:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị Trần Thị Kiều S yêu cầu ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H chia công sức đóng góp với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Trần Thị Kiều S không yêu cầu giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N và không yêu cầu giải quyết hộ ông Nguyễn Văn X chia tài sản chung diện tích 27.780,2m^2, gồm đất (T), đất (rừng SX), đất (L), thửa 106, thửa 107, thửa 108, thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[1] Chị Trần Thị Kiều S với anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 10/7/2003, sau khi kết hôn anh H, chị S sống chung với hộ ông X, bà N làm chung, ăn chung, thời gian này chị S đã cùng các thành viên gia đình ông X sử dụng diện tích 10.372,3m^2, đất (L), thửa 106; Diện tích 3.256,3m^2, đất (rừng SX), thửa 107; Diện tích 10.603,5m^2, đất (L), thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đất có nguồn gốc của bà Lê Thị N sử dụng đến 2010 tặng cho quyền sử dụng đất lại anh Nguyễn Văn H sử dụng. Năm 2011 anh H tặng cho quyền sử dụng đất lại cho ông Nguyễn Văn X. N 2013 ông X tặng cho bà Lê Thị N. Tuy nhiên, anh H trình bày từ N 2003 đến 2011 hộ ông X, bà N, anh H, chị S thu lợi nhuận từ việc sử dụng diện tích 24.232,1m^2 khoảng 300.000.000đồng; Ngoài ra từ 2003 đến 2010 chị S cùng với hộ ông X, bà N mua bán cửa hàng đồ sành, sứ, lợi nhuận thu được sử dụng chung cho hộ gia đình. Năm 2011 ông X, bà N giao cửa hàng đồ sành, sứ, cho chị S, anh H tiếp nhận làm riêng nhưng vẫn sử dụng một phần lợi nhuận thu được chung với hộ ông X; Ngoài ra, hộ ông X còn xây dựng mới được tầng 2 căn nhà ngang 4m x 16m, trị giá 204.191.000đồng. Năm 2012 vợ chồng chị S, anh H ly thân và được Tòa án giải quyết ly hôn ngày 17/4/2013.

[2] Xét thời gian chị Trần Thị Kiều S sống chung hộ với anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thị N có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như đời sống chung của gia đình được ghi nhận, nay chấm dứt về quan hệ hôn nhân với anh H và không còn là thành viên trong hộ của ông X, bà N. Nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của chị S và nuôi con trong thời gian tới. Do đó anh H, ông X, bà N cần phải chia công sức đóng góp trong thời gian 09 năm với số tiền 100.000.000đồng thì mới phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kiều S rút đơn khởi kiện không yêu cầu giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/5/2011 giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N và không yêu cầu giải quyết hộ ông Nguyễn Văn X chia tài sản chung diện tích 27.780,2m^2, gồm đất (T), đất (rừng SX), đất (L), thửa 106, thửa 107, thửa 108 và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử.

[4] Chị Trần Thị Kiều S, anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N không tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích ngang 7,2m, dài 16m, thuộc một phần thửa số 106, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp với chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị B và Nguyễn Văn C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Chị Trần Thị Kiều S tạm nộp 9.000.000đồng. Tại phiên tòa anh H, chị S mỗi người đồng ý tự nguyện nộp ½ chi phí, nên anh H phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kiều S số tiền 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H chia công sức đóng góp cho chị S với số tiền 100.000.000đồng nên phải chịu 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Trần Thị Kiều S được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 61 Luật hôn nH và gia đình; Điều 147, Điều 158, Điều 165, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu của chị Trần Thị Kiều S yêu cầu ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H chia công sức đóng góp với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H phải chia công sức đóng góp cho chị S với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án mà ông X, bà N, anh H chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trần Thị Kiều S không yêu cầu giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/5/2011 giữa anh Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn X và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

ngày 08/3/2013 giữa ông Nguyễn Văn X với bà Lê Thị N và không yêu cầu giải quyết hộ ông Nguyễn Văn X chia tài sản chung diện tích 27.780,2m^2, gồm đất (T), đất (rừng SX), đất (L), thửa 106, thửa 107, thửa 108 và thửa 103, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kiều S số tiền 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Trần Thị Kiều S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kiều S 9.201.000đồng (Chín triệu hai trăm linh một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: BM/2012 032132 ngày 18/5/2015; 835.000đồng (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BM/2012 039245 ngày 06/5/2016 và 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số: BN/2013 10236 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND tỉnh ĐT;
-VKSND huyện Tháp Mười;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Tuấn